|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**  **VIỆT NAM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | | Số: /2024/TT-NHNN | *Hà Nội, ngày tháng năm 2024* | |
|  |

DỰ THẢO

ngày 22/04/2024

**THÔNG TƯ**

**Quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại,** **chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;*

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài,văn phòng đại diện nước ngoài và hướng dẫn khoản 4 Điều 27, điểm d khoản 2 Điều 29 Luật Các Tổ chức tín dụng.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Ngân hàng thương mại.

2. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3. Văn phòng đại diện nước ngoài.

4. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và văn phòng đại diện nước ngoài.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Giấy phép* bao gồm Giấy phép thành lập và hoạt động của ngân hàng thương mại, Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Giấy phép thành lập văn phòng đại diện nước ngoài do Ngân hàng Nhà nước cấp. Văn bản của Ngân hàng Nhà nước về sửa đổi, bổ sung Giấy phép là một bộ phận không tách rời của Giấy phép.

2. *Ngân hàng thương mại cổ phần* là ngân hàng thương mại được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần.

3. *Ngân hàng 100% vốn nước ngoài* là ngân hàng thương mại được thành lập tại Việt Nam với 100% vốn điều lệ thuộc sở hữu của tổ chức tín dụng nước ngoài; là pháp nhân Việt Nam, có trụ sở chính tại Việt Nam. Ngân hàng 100% vốn nước ngoài được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có chủ sở hữu là một ngân hàng nước ngoài hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên trong đó phải có một ngân hàng nước ngoài sở hữu 50% vốn điều lệ.

4. *Ngân hàng liên doanh* là ngân hàng thương mại được thành lập tại Việt Nam, bằng vốn góp của Bên Việt Nam (gồm tối thiểu một ngân hàng Việt Nam và tối đa một doanh nghiệp Việt Nam không phải ngân hàng) và Bên nước ngoài (gồm tối thiểu một ngân hàng nước ngoài và tối đa một doanh nghiệp nước ngoài không phải ngân hàng) trên cơ sở hợp đồng liên doanh; là pháp nhân Việt Nam, có trụ sở chính tại Việt Nam. Ngân hàng liên doanh được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên nhưng không quá 05 thành viên, trong đó một thành viên và người có liên quan không được sở hữu vượt quá 50% vốn điều lệ.

5. *Tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng* là tổ chức được thành lập ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nước ngoài và được kinh doanh, cung ứng thường xuyên một hoặc một số các nghiệp vụ sau đây:

a) Nhận tiền gửi;

b) Cấp tín dụng;

c) Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.

6. *Văn phòng đại diện nước ngoài* là đơn vị phụ thuộc của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng. Văn phòng đại diện nước ngoài không được thực hiện các hoạt động kinh doanh tại Việt Nam.

7. *Cổ đông góp vốn thành lập* là tổ chức, cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của ngân hàng thương mại cổ phần tại thời điểm thành lập.

8. *Cổ đông sáng lập* là cổ đông góp vốn thành lập tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản điều lệ tổ chức và hoạt động đầu tiên của ngân hàng thương mại cổ phần.

9. *Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đầu tiên* là cuộc họp gồm các cổ đông sáng lập và các cổ đông góp vốn thành lập khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc, có nhiệm vụ thông qua điều lệ tổ chức và hoạt động ngân hàng thương mại, cổ phần, bầu các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ đầu tiên và quyết định các vấn đề khác liên quan đến việc thành lập ngân hàng thương mại cổ phần.

10. *Thành viên góp vốn* là ngân hàng, doanh nghiệp không phải ngân hàng góp vốn vào ngân hàng liên doanh; là tổ chức tín dụng nước ngoài góp vốn vào ngân hàng 100% vốn nước ngoài.

11. *Thành viên sáng lập* là thành viên góp vốn tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản điều lệ tổ chức và hoạt động đầu tiên của ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài.

12. *Cuộc họp Thành viên góp vốn đầu tiên* là cuộc họp gồm các thành viên sáng lập và các thành viên góp vốn khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc, có nhiệm vụ thông qua điều lệ tổ chức và hoạt động ngân hàng, bầu các chức danh thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ đầu tiên và quyết định các vấn đề khác liên quan đến việc thành lập ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

13. *Chủ sở hữu* là tổ chức sở hữu toàn bộ vốn của ngân hàng thương mại là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

14. *Ngân hàng mẹ* là ngân hàng nước ngoài đề nghị thành lập chi nhánh hoặc có chi nhánh tại Việt Nam.

15. Ban trù bị là một nhóm người do các cổ đông sáng lập, thành viên góp vốn thành lập, chủ sở hữu, ngân hàng mẹ lựa chọn, thay mặt các cổ đông sáng lập, thành viên góp vốn thành lập, chủ sở hữu, ngân hàng mẹ triển khai các công việc liên quan đến việc đề nghị cấp Giấy phép. Ban trù bị phải có tối thiểu 02 thành viên trong đó có 01 thành viên là Trưởng ban.

**Chương II**

**QUY ĐỊNH VỀ CẤP GIẤY PHÉP**

**Điều 4. Thẩm quyền quyết định cấp Giấy phép**

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có thẩm quyền quyết định cấp Giấy phép đối với ngân hàng thương mại và chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thẩm quyền quyết định cấp Giấy phép đối với văn phòng đại diện nước ngoài có trụ sở đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố.

**Điều 5. Giấy phép**

1. Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể nội dung hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, nội dung hoạt động của văn phòng đại diện nước ngoài trong Giấy phép cấp cho từng ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài theo mẫu quy định tại Phụ lục 01 Thông tư này.

2. Trường hợp Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị hủy dưới hình thức khác, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài phải có văn bản nêu rõ lý do và gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước đề nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp bản sao Giấy phép từ sổ gốc theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Ngân hàng Nhà nước cấp lại bản sao từ bản gốc cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài.

3. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài sử dụng Giấy phép theo quy định tại Điều 35 Luật Các Tổ chức tín dụng.

**Điều 6. Trình tự và thủ tục cấp Giấy phép**

1. Trình tự và thủ tục cấp Giấy phép thành lập ngân hàng thương mại, Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài như sau:

a) Ban trù bị lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định tại Điều 9, Điều 10, khoản 1, 2, 3 Điều 11, khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 12, khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 Điều 13 Thông tư này và gửi qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước.

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trù bị xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ để xem xét chấp thuận nguyên tắc. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không đầy đủ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trù bị yêu cầu bổ sung hồ sơ.

b) Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày gửi văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời Ban trù bị, trong đó nêu rõ lý do không chấp thuận.

c) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ban trù bị lập các văn bản bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 11, khoản 7 Điều 12, khoản 14 Điều 13 Thông tư này và gửi qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước. Quá thời hạn nêu trên, Ngân hàng Nhà nước không nhận được hoặc nhận được không đầy đủ các văn bản nêu trên thì văn bản chấp thuận nguyên tắc không còn giá trị.

Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ các văn bản bổ sung, Ngân hàng Nhà nước xác nhận bằng văn bản về việc đã nhận đầy đủ văn bản.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ các văn bản bổ sung, Ngân hàng Nhà nước tiến hành cấp Giấy phép theo quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời Ban trù bị, trong đó nêu rõ lý do không cấp Giấy phép.

2. Trình tự và thủ tục cấp Giấy phép của văn phòng đại diện nước ngoài như sau:

a) Tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định tại Điều 9, Điều 14 Thông tư này và gửi qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi văn phòng đại diện nước ngoài dự kiến đặt trụ sở.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản gửi tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản gửi tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng yêu cầu bổ sung hồ sơ.

b) Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày gửi văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tiến hành cấp Giấy phép theo quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản trả lời tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng, trong đó nêu rõ lý do không cấp Giấy phép.

**Điều 7. Nộp lệ phí cấp Giấy phép**

1. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài được cấp Giấy phép phải nộp lệ phí cấp Giấy phép tại Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được cấp Giấy phép.

2. Mức lệ phí cấp Giấy phép theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

**Điều 8. Điều kiện đối với tổ chức tín dụng nước ngoài khi đề nghị cấp Giấy phép thành lập ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam**

1. Khi đề nghị cấp Giấy phép tổ chức tín dụng nước ngoài là thành viên sáng lập của ngân hàng liên doanh, thành viên sáng lập, chủ sở hữu của ngân hàng 100% vốn nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có lãi trong 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm cấp Giấy phép;

b) Có tổng tài sản có ít nhất tương đương 10 tỷ đôla Mỹ vào cuối năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

c) Các điều kiện khác theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về điều kiện cấp phép của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Khi đề nghị cấp Giấy phép tổ chức tín dụng nước ngoài là ngân hàng mẹ của chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Có tổng tài sản có ít nhất tương đương 20 tỷ đôla Mỹ vào năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm cấp Giấy phép;

c) Các điều kiện khác theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về điều kiện cấp phép của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

**Điều 9. Nguyên tắc lập hồ sơ**

1. Các văn bản tại hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải do Trưởng Ban trù bị ký, trừ trường hợp Thông tư này có quy định khác. Các văn bản do Trưởng Ban trù bị ký phải có tiêu đề “Ban trù bị thành lập và tên ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài”.

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện nước ngoài phải do người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng ký, trừ trường hợp Thông tư này có quy định khác.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập ngân hàng thương mại cổ phần được lập 01 bộ gốc bằng tiếng Việt.

3. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện được lập thành 02 bộ gốc gồm một bộ bằng tiếng Việt và một bộ bằng tiếng Anh, trong đó:

a) Bộ hồ sơ tiếng Anh phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ các tài liệu sau đây:

(i) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính gửi trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước;

(ii) Các báo cáo tài chính được lập trực tiếp bằng tiếng Anh.

b) Các bản dịch từ tiếng Anh ra tiếng Việt phải được chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định về chứng thực của pháp luật Việt Nam;

c) Bản dịch các báo cáo tài chính phải được xác nhận của tổ chức, cá nhân được phép hành nghề dịch thuật theo quy định của pháp luật;

d) Các văn bản tiếng Việt là bản gốc (hoặc sao từ bản gốc tiếng Việt) được lập tại Việt Nam không cần phải dịch ra tiếng Anh.

4. Trường hợp các giấy tờ là bản sao mà không phải là bản sao có chứng thực, bản sao được cấp từ sổ gốc thì phải xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu, người đối chiếu phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.

5. Trong mỗi bộ hồ sơ phải có danh mục tài liệu trong bộ hồ sơ.

**Điều 10. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập ngân hàng thương mại**

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập ngân hàng thương mại do các cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập ký theo mẫu quy định tại Phụ lục 02a Thông tư này.

2. Dự thảo Điều lệ.

3. Đề án thành lập ngân hàng thương mại, bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

a) Sự cần thiết thành lập ngân hàng thương mại;

b) Tên ngân hàng thương mại, tên tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương nơi dự kiến đặt trụ sở chính, thời gian hoạt động, vốn điều lệ khi thành lập, nội dung hoạt động;

c) Năng lực tài chính của các cổ đông góp vốn thành lập, thành viên góp vốn;

d) Sơ đồ tổ chức và mạng lưới hoạt động của ngân hàng dự kiến trong 03 năm đầu tiên;

đ) Danh sách nhân sự dự kiến trong đó mô tả chi tiết trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và quản trị rủi ro đáp ứng được các yêu cầu của từng vị trí, chức danh:

(i) Chủ tịch, thành viên, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên; Trưởng ban các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên;

(ii) Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát;

(iii) Tổng Giám đốc (Giám đốc), các Phó tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và người đứng đầu các đơn vị trực thuộc trong cơ cấu tổ chức.

e) Chính sách quản lý rủi ro: Nhận diện, đo lường, phòng ngừa, quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, rủi ro thanh khoản, rủi ro tập trung và các rủi ro khác phát sinh từ các hoạt động trọng yếu và trong quá trình hoạt động;

g) Công nghệ thông tin:

(i) Dự kiến đầu tư tài chính cho công nghệ thông tin;

(ii) Hệ thống công nghệ thông tin phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về quản trị điều hành, quản lý rủi ro của ngân hàng thương mại và các quy định của Ngân hàng Nhà nước;

(iii) Khả năng áp dụng công nghệ thông tin, trong đó nêu rõ: thời gian thực hiện đầu tư công nghệ; loại hình công nghệ dự kiến áp dụng; dự kiến cán bộ và khả năng của cán bộ trong việc áp dụng công nghệ thông tin; bảo đảm hệ thống thông tin có thể tích hợp và kết nối với hệ thống quản lý của Ngân hàng Nhà nước để cung cấp thông tin theo yêu cầu quản lý của Ngân hàng Nhà nước;

(iv) Hồ sơ về hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động của ngân hàng thương mại;

(v) Các giải pháp đảm bảo an toàn, bảo mật tương ứng với loại hình dịch vụ dự kiến triển khai;

(vi) Nhận diện, đo lường và triển khai phương án quản lý rủi ro đối với công nghệ dự kiến áp dụng trong lĩnh vực hoạt động của ngân hàng thương mại;

(vii) Dự kiến phân công trách nhiệm báo cáo và kiểm soát hoạt động hệ thống công nghệ thông tin.

h) Khả năng đứng vững và phát triển của ngân hàng trên thị trường:

(i) Phân tích và đánh giá thị trường ngân hàng, trong đó nêu được thực trạng, thách thức và triển vọng;

(ii) Khả năng tham gia và cạnh tranh trên thị trường của ngân hàng, trong đó chứng minh được lợi thế của ngân hàng khi tham gia thị trường;

(iii) Chiến lược phát triển, mở rộng mạng lưới hoạt động và nội dung hoạt động ngân hàng, loại khách hàng và số lượng khách hàng. Trong đó, phân tích chi tiết việc đáp ứng các điều kiện đối với những nội dung hoạt động có điều kiện.

k) Hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ:

(i) Nguyên tắc hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ;

(ii) Dự thảo các quy định nội bộ cơ bản về tổ chức và hoạt động của ngân hàng; tối thiểu bao gồm các quy định nội bộ quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật các tổ chức tín dụng và các quy định sau:

- Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Người điều hành;

- Quy định về tổ chức và hoạt động của trụ sở chính, chi nhánh và các đơn vị trực thuộc khác.

(iii) Nội dung và quy trình hoạt động của kiểm toán nội bộ.

l) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu, trong đó tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau: Phân tích thị trường, chiến lược, mục tiêu và kế hoạch hành động, các báo cáo tài chính của từng năm (bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, chỉ tiêu an toàn vốn tối thiểu, các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động và thuyết minh khả năng thực hiện các chỉ tiêu tài chính trong từng năm).

4. Tài liệu chứng minh năng lực của bộ máy quản trị, kiểm soát, điều hành dự kiến:

a) Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục 03 Thông tư này;

b) Phiếu lý lịch tư pháp:

(i) Đối với người có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

(ii) Đối với người không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích, bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định;

(iii) Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không quá 06 (sáu) tháng;

c) Bản sao các văn bằng chứng minh trình độ chuyên môn;

d) Các tài liệu khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của pháp luật;

e) Trường hợp người dự kiến được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) không có quốc tịch Việt Nam, ngoài các văn bản nêu trên, phải có văn bản cam kết đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được cư trú và làm việc tại Việt Nam.

5. Biên bản cuộc họp cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập hoặc văn bản của chủ sở hữu về việc lựa chọn Ban trù bị, Trưởng Ban trù bị, thông qua dự thảo Điều lệ, đề án thành lập ngân hàng và danh sách các chức danh quản trị, kiểm soát, điều hành dự kiến.

**Điều 11. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập ngân hàng thương mại cổ phần**

1. Thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 10 Thông tư này;

2. Danh sách các cổ đông sáng lập và dự kiến danh sách các cổ đông góp vốn thành lập theo mẫu quy định tại Phụ lục 04 Thông tư này.

3. Hồ sơ của cổ đông góp vốn thành lập:

a) Đối với cá nhân:

(i) Đơn mua cổ phần đối với cá nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục 05a Thông tư này;

(ii) Bảng kê khai người có liên quan theo mẫu quy định tại Phụ lục 06 Thông tư này;

(iii) Ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, cổ đông sáng lập phải có thêm các văn bản sau:

- Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục 03 Thông tư này;

- Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã. Phiếu lý lịch tư pháp phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không quá 06 (sáu) tháng;

- Báo cáo tài chính 03 năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép của doanh nghiệp do cổ đông sáng lập quản lý hoặc Bản sao văn bằng đại học hoặc trên đại học chuyên ngành kinh tế hoặc luật;

- Bảng kê khai các loại tài sản có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên, các khoản nợ và tài liệu chứng minh liên quan của cá nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục 07 Thông tư này;

b) Đối với tổ chức:

(i) Đơn mua cổ phần theo mẫu quy định tại Phụ lục 05b Thông tư này.

(ii) Bảng kê khai người có liên quan theo mẫu quy định tại Phụ lục 06 Thông tư này.

(iii) Giấy phép thành lập hoặc văn bản tương đương (trừ doanh nghiệp Việt Nam);

(vi) Bản sao hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật và người đại diện vốn góp của tổ chức tại ngân hàng (đối với người không có quốc tịch Việt Nam);

(v) Điều lệ tổ chức và hoạt động;

(vi) Văn bản của cấp có thẩm quyền chấp thuận cho tổ chức được góp vốn thành lập ngân hàng;

(vii) Báo cáo tài chính năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và Báo cáo tài chính đến thời điểm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đã được kiểm toán độc lập bởi công ty kiểm toán thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán đã được Bộ Tài chính công bố đủ tiêu chuẩn kiểm toán doanh nghiệp và các báo cáo không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán;

(viii) Ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, cổ đông sáng lập phải có thêm các văn bản sau:

- Sơ yếu lý lịch của người đại diện vốn góp theo mẫu quy định tại Phụ lục 03 Thông tư này; Phiếu lý lịch tư pháp theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 10 Thông tư này;

- Báo cáo tài chính 05 năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đã được kiểm toán độc lập bởi công ty kiểm toán thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán đã được Bộ Tài chính công bố đủ tiêu chuẩn kiểm toán doanh nghiệp và các báo cáo tài chính này không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán;

(ix) Bảng xác định khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại cổ phần của tổ chức không phải là tổ chức tín dụng theo mẫu quy định tại Phụ lục 08 Thông tư này;

(x) Văn bản của cơ quan thuế, cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận về việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội của tổ chức.

4. Sau khi nhận được văn bản chấp thuận nguyên tắc, Ban trù bị phải nộp bổ sung các văn bản sau:

a) Điều lệ tổ chức và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đầu tiên;

c) Biên bản họp Hội đồng quản trị thông qua các nội dung về việc bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị; Biên bản họp Ban kiểm soát về việc bầu chức danh Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định của Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng;

đ) Danh sách các cổ đông góp vốn thành lập theo mẫu quy định tại Phụ lục 04 Thông tư này;

e) Văn bản của một ngân hàng thương mại nơi Ban trù bị mở tài khoản góp vốn xác nhận số tiền góp vốn của các cổ đông góp vốn thành lập;

g) Văn bản chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp trụ sở chính của ngân hàng thương mại cổ phần;

h) Các Quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động của ngân hàng thương mại cổ phần quy định tại điểm i khoản 3 Điều 10 Thông tư này đã được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thông qua;

i) Báo cáo của cổ đông sáng lập là ngân hàng thương mại trong nước về việc đáp ứng các điều kiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn của Luật từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đến thời điểm nộp bổ sung văn bản.

**Điều 12. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài**

1. Thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 10 Thông tư này.

2. Hồ sơ của chủ sở hữu, thành viên sáng lập là tổ chức tín dụng nước ngoài:

a) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 05 năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán;

b) Bản sao giấy phép thành lập và hoạt động hoặc văn bản tương đương;

c) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính cung cấp thông tin về tổ chức tín dụng nước ngoài như sau:

(i) Nội dung hoạt động được phép tại nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(ii) Tình hình tuân thủ pháp luật về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác trong vòng 05 năm liên tiếp liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(iii) Tỷ lệ an toàn vốn và các tỷ lệ đảm bảo an toàn khác theo quy định của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính vào năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(iv) Tình hình tuân thủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng vào năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

d) Văn bản hoặc tài liệu của tổ chức xếp loại tín nhiệm quốc tế xếp hạng tín nhiệm đối với tổ chức tín dụng nước ngoài trong thời hạn 06 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ;

đ) Điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng nước ngoài;

e) Báo cáo quá trình thành lập, hoạt động và định hướng phát triển của tổ chức tín dụng nước ngoài cho đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

g) Quyết định bổ nhiệm người đại diện vốn góp tại ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài của tổ chức tín dụng nước ngoài theo quy định của pháp luật kèm theo hộ chiếu của người đại diện vốn góp.

3. Hồ sơ của thành viên sáng lập ngân hàng liên doanh là ngân hàng thương mại Việt Nam gồm các giấy tờ, tài liệu quy định tại điểm b khoản 3 Điều 11 Thông tư này, trừ đơn mua cổ phần.

4. Hợp đồng liên doanh có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật; hợp đồng thỏa thuận góp vốn giữa các thành viên sáng lập đối với ngân hàng 100% vốn nước ngoài;

5. Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính cam kết bảo đảm khả năng giám sát toàn bộ hoạt động của ngân hàng nước ngoài (bao gồm cả hoạt động của ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam) trên cơ sở hợp nhất theo thông lệ quốc tế.

6. Văn bản cam kết của chủ sở hữu, các thành viên sáng lập về việc:

a) Sẵn sàng hỗ trợ về tài chính, công nghệ, quản trị, điều hành, hoạt động cho ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài;

b) Đảm bảo duy trì giá trị thực của vốn điều lệ của ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài không thấp hơn mức vốn pháp định và đáp ứng đầy đủ các quy định về an toàn hoạt động theo quy định của ngân hàng Nhà nước.

7. Sau khi nhận được văn bản chấp thuận nguyên tắc, Ban trù bị phải nộp bổ sung các văn bản sau:

a) Điều lệ tổ chức và hoạt động ngân hàng đã được Hội đồng thành viên thông qua;

b) Văn bản của một ngân hàng thương mại nơi Ban trù bị mở tài khoản góp vốn xác nhận số tiền góp vốn của các thành viên sáng lập;

c) Văn bản chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp trụ sở chính của ngân hàng thương mại;

d) Các Quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động của ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài quy định tại điểm i khoản 3 Điều 10 Thông tư này đã được Hội đồng thành viên thông qua;

đ) Báo cáo của thành viên sáng lập là ngân hàng thương mại trong nước về việc đáp ứng các điều kiện quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đến thời điểm nộp bổ sung văn bản;

e) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính đánh giá chủ sở hữu, thành viên sáng lập là tổ chức tín dụng nước ngoài đáp ứng các điều kiện quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đến thời điểm nộp bổ sung văn bản;

g) Ngoài các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản này, Ban trù bị thành lập ngân hàng 100% vốn nước ngoài là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phải nộp bổ sung các văn bản sau:

(i) Quyết định của chủ sở hữu về việc bổ nhiệm Chủ tịch hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc) Kế toán trưởng;

(ii) Biên bản họp Ban kiểm soát về việc bầu chức danh Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

h) Ngoài các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản 7 Điều này, Ban trù bị thành lập ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phải nộp bổ sung các văn bản sau:

(i) Biên bản cuộc họp Thành viên góp vốn đầu tiên;

(ii) Biên bản họp Hội đồng thành viên thông qua các nội dung về việc bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên; Biên bản họp Ban kiểm soát về việc bầu chức danh Trưởng Ban Kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

(iii) Quyết định của Hội đồng thành viên về việc bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng.

**Điều 13. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài**

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài do người đại diện theo pháp luật của ngân hàng nước ngoài ký theo mẫu quy định tại Phụ lục 02b Thông tư này.

2. Đề án thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Sự cần thiết thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

b) Tên chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tên tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương nơi dự kiến đặt trụ sở chi nhánh, nội dung hoạt động, thời gian hoạt động, vốn được cấp khi thành lập;

c) Sơ đồ tổ chức, danh sách nhân sự dự kiến của chi nhánh ngân hàng nước ngoài phù hợp với các quy định tại Điều 97, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng; danh sách nhân sự dự kiến phải mô tả chi tiết trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác, năng lực quản lý rủi ro đáp ứng được các yêu cầu của từng vị trí;

d) Chính sách quản lý rủi ro: Nhận diện, đo lường, phòng ngừa, quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, rủi ro thanh khoản, rủi ro tập trung và các rủi ro khác phát sinh từ các hoạt động trọng yếu và trong quá trình hoạt động;

đ) Công nghệ thông tin:

(i) Dự kiến đầu tư tài chính cho công nghệ thông tin;

(ii) Hệ thống công nghệ thông tin phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về quản trị điều hành, quản lý rủi ro của chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các quy định của Ngân hàng Nhà nước;

(iii) Khả năng áp dụng công nghệ thông tin, trong đó nêu rõ: thời gian thực hiện đầu tư công nghệ; loại hình công nghệ dự kiến áp dụng; dự kiến cán bộ và khả năng của cán bộ trong việc áp dụng công nghệ thông tin; bảo đảm hệ thống thông tin có thể tích hợp và kết nối với hệ thống quản lý của Ngân hàng Nhà nước để cung cấp thông tin theo yêu cầu quản lý của Ngân hàng Nhà nước;

(iv) Hồ sơ về hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

(v) Các giải pháp đảm bảo an toàn, bảo mật tương ứng với loại hình dịch vụ dự kiến triển khai;

(vi) Nhận diện, đo lường và triển khai phương án quản lý rủi ro đối với công nghệ dự kiến áp dụng trong lĩnh vực hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

(vii) Dự kiến phân công trách nhiệm báo cáo và kiểm soát hoạt động hệ thống công nghệ thông tin.

e) Khả năng đứng vững và phát triển của chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên thị trường:

(i) Phân tích và đánh giá thị trường ngân hàng, trong đó nêu được thực trạng, thách thức và triển vọng;

(ii) Khả năng tham gia và cạnh tranh trên thị trường của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trong đó chứng minh được lợi thế của chi nhánh ngân hàng nước ngoài khi tham gia thị trường;

(iii) Chiến lược phát triển, mở rộng mạng lưới hoạt động và nội dung hoạt động ngân hàng, loại khách hàng và số lượng khách hàng. Trong đó, phân tích rõ việc đáp ứng các điều kiện đối với những nội dung hoạt động có điều kiện.

g) Hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ:

(i) Nguyên tắc hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ;

(ii) Dự thảo các quy định nội bộ cơ bản về tổ chức và hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tối thiểu bao gồm các quy định nội bộ quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật các tổ chức tín dụng và quy định về tổ chức và hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

(iii) Quy trình hoạt động của kiểm toán nội bộ.

h) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu, trong đó tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau: Phân tích thị trường, chiến lược, mục tiêu và kế hoạch hành động để đạt được mục tiêu đó, các báo cáo tài chính của từng năm (bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, chỉ tiêu an toàn vốn tối thiểu, các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động và thuyết minh khả năng thực hiện các chỉ tiêu tài chính trong từng năm).

3. Điều lệ của ngân hàng mẹ.

4. Sơ yếu lý lịch của Tổng giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài dự kiến theo mẫu quy định tại Phụ lục 03 Thông tư này có xác nhận của ngân hàng mẹ; Phiếu lý lịch tư pháp theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 10 Thông tư này; Bản sao các văn bằng, chứng chỉ chứng minh năng lực, trình độ chuyên môn và các tài liệu chứng minh việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật có liên quan của Tổng giám đốc (Giám đốc) dự kiến.

5. Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc các văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính cấp cho ngân hàng mẹ.

6. Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính cung cấp thông tin về ngân hàng mẹ như sau:

a) Nội dung hoạt động được phép tại nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

b) Tình hình tuân thủ pháp luật về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác trong vòng 05 năm liên tiếp liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

c) Tỷ lệ an toàn vốn và các tỷ lệ đảm bảo an toàn khác theo quy định của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính vào năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

d) Tình hình tuân thủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng vào năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

7. Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính cam kết bảo đảm khả năng giám sát toàn bộ hoạt động của ngân hàng mẹ (bao gồm cả hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam) trên cơ sở hợp nhất theo thông lệ quốc tế.

8. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 05 năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép của ngân hàng mẹ.

9. Văn bản hoặc tài liệu của tổ chức xếp loại tín nhiệm quốc tế xếp hạng tín nhiệm đối với ngân hàng mẹ trong thời hạn 06 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ.

10. Văn bản của ngân hàng mẹ bảo đảm chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với mọi nghĩa vụ và cam kết của chi nhánh tại Việt Nam; đảm bảo duy trì giá trị thực có của vốn được cấp của chi nhánh không thấp hơn mức vốn pháp định và đáp ứng đầy đủ các quy định về an toàn hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

11. Báo cáo quá trình thành lập, hoạt động và định hướng phát triển của ngân hàng mẹ cho đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

12. Văn bản của ngân hàng mẹ do người đại diện theo pháp luật ký về việc cử Ban trù bị và ủy quyền cho Trưởng Ban trù bị.

13. Trường hợp ngân hàng nước ngoài đề nghị thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài thứ hai trở lên tại Việt Nam, ngoài các hồ sơ theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 Điều này, ngân hàng nước ngoài phải bổ sung các hồ sơ sau:

a) Văn bản của ngân hàng mẹ do người đại diện theo pháp luật ký kèm tài liệu chứng minh trong 03 năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp phép, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam không vi phạm quy định của pháp luật, bảo đảm các tỷ lệ bảo đảm an toàn, kết quả kinh doanh có lãi;

b) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền nơi chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang hoạt động đặt trụ sở chính đánh giá chi nhánh ngân hàng nước ngoài đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a khoản này.

14. Sau khi nhận được văn bản chấp thuận nguyên tắc, Ban trù bị phải bổ sung các văn bản sau:

a) Văn bản bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài do đại diện theo pháp luật của ngân hàng mẹ ký;

b) Văn bản chứng minh quyền sử dụng hợp pháp trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

c) Các Quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại điểm g khoản 2 Điều này được ngân hàng mẹ thông qua;

d) Văn bản của Cơ quan có thẩm quyền nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính đánh giá ngân hàng mẹ đáp ứng các điều kiện quy định theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đến thời điểm nộp bổ sung văn bản.

**Điều 14. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện nước ngoài**

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện nước ngoài do người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng ký theo mẫu quy định tại Phụ lục 02c Thông tư này.

2. Bản sao Giấy phép hoạt động hoặc văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính cấp cho tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng.

3. Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính cung cấp thông tin về tình hình tuân thủ pháp luật của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng.

4. Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính cho phép tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng thành lập Văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam; trường hợp quy định của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính không yêu cầu phải có văn bản cho phép thì phải có bằng chứng chứng minh việc này.

5. Báo cáo quá trình thành lập, hoạt động của tổ chức tín dụng, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng cho đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và định hướng phát triển của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam.

6. Báo cáo tài chính năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đã được kiểm toán của tổ chức tín dụng, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng.

7. Sơ yếu lý lịch của Trưởng Văn phòng đại diện nước ngoài dự kiến theo mẫu quy định tại Phụ lục 03 Thông tư này có xác nhận của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; Phiếu lý lịch tư pháp theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 10 Thông tư này; Bản sao các văn bằng, chứng chỉ chứng minh năng lực, trình độ chuyên môn của Trưởng Văn phòng đại diện nước ngoài dự kiến tại Việt Nam.

8. Văn bản chứng minh quyền sử dụng hoặc sẽ có quyền sử dụng hợp pháp trụ sở của văn phòng đại diện nước ngoài.

**Điều 15. Nguyên tắc áp dụng**

Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Văn phòng đại diện nước ngoài tổ chức và hoạt động theo các quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Thông tư này và các quy định liên quan của pháp luật.

**Điều 16. Thời hạn hoạt động**

Thời hạn hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được ghi trong Giấy phép tối đa không quá 99 năm; thời hạn hoạt động của văn phòng đại diện nước ngoài tối đa không quá 05 năm.

**Điều 17. Tên, trụ sở chính của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài**

1. Tên của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài phải đảm bảo:

a) Phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan;

b) Được đặt theo mẫu tương ứng như sau:

(i) Ngân hàng thương mại cổ phần và Tên riêng;

(ii) Ngân hàng liên doanh và Tên riêng;

(iii) Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Tên ngân hàng nước ngoài và Việt Nam;

(iv) Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn và Tên riêng đối với ngân hàng 100% vốn nước ngoài hai thành viên trở lên;

(v) Ngân hàng và Tên ngân hàng nước ngoài - Chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt chi nhánh. Trong trường hợp ngân hàng nước ngoài thành lập hai chi nhánh trở lên tại một tỉnh, thành phố thì phải bổ sung tên để đảm bảo phân biệt các chi nhánh khác nhau;

(vi) Văn phòng đại diện nước ngoài và tên tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng - tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt văn phòng đại diện nước ngoài.

2. Trụ sở chính của ngân hàng thương mại phải đảm bảo đáp ứng các quy định về trụ sở chính của doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các điều kiện sau:

a) Là nơi làm việc của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, được ghi trong Giấy phép theo quy định của pháp luật;

b) Phải ở trên lãnh thổ Việt Nam, có địa chỉ được xác định gồm tên tòa nhà (nếu có), số nhà, ngách, hẻm, ngõ phố, phố, đường hoặc thôn, xóm, ấp, xã, phường, thị trấn, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; số điện thoại, số fax và thư điện tử (nếu có). Trường hợp ngân hàng thương mại đăng ký đặt trụ sở chính tại nhiều hơn một số nhà hoặc tòa nhà có địa chỉ khác nhau, các số nhà hoặc tòa nhà này phải liền kề nhau;

c) Đảm bảo an toàn tài sản và phù hợp với yêu cầu hoạt động ngân hàng;

d) Có hệ thống thông tin quản lý kết nối trực tuyến giữa trụ sở chính với các chi nhánh và các bộ phận kinh doanh của ngân hàng đáp ứng các yêu cầu về quản trị điều hành và quản lý rủi ro của ngân hàng thương mại và yêu cầu về quản lý của Ngân hàng Nhà nước.

3. Trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải đảm bảo đáp ứng các quy định về trụ sở chính của doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các điều kiện sau:

a) Là nơi làm việc của Tổng giám đốc (Giám đốc), nơi thực hiện giao dịch với khách hàng, được ghi trong Giấy phép theo quy định của pháp luật;

b) Phải ở trên lãnh thổ Việt Nam, có địa chỉ được xác định gồm tên tòa nhà (nếu có), số nhà, ngách, hẻm, ngõ phố, phố, đường hoặc thôn, xóm, ấp, xã, phường, thị trấn, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; số điện thoại, số fax và thư điện tử (nếu có);

c) Đảm bảo an toàn tài sản và phù hợp với yêu cầu hoạt động ngân hàng;

d) Có hệ thống thông tin quản lý kết nối trực tuyến với trụ sở chính của ngân hàng nước ngoài đáp ứng các yêu cầu về quản trị điều hành và quản lý rủi ro của ngân hàng nước ngoài và yêu cầu về quản lý của Ngân hàng Nhà nước;

4. Trụ sở của văn phòng đại diện nước ngoài phải ở trên lãnh thổ Việt Nam, có địa chỉ được xác định gồm tên tòa nhà (nếu có), số nhà, ngách, hẻm, ngõ phố, phố, đường hoặc thôn, xóm, ấp, xã, phường, thị trấn, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; số điện thoại, số fax và thư điện tử (nếu có).

**Chương III**

**TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN**

**Điều 18.** **Trách nhiệm của Ban trù bị**

1. Lập và gửi hồ sơ theo quy định tại Thông tư này.

2. Sau khi nhận được văn bản chấp thuận nguyên tắc, Ban trù bị có trách nhiệm:

a) Tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đầu tiên, cuộc họp Thành viên góp vốn đầu tiên để thông qua các nội dung theo quy định tại khoản 9, 12 Điều 3 Thông tư này;

b) Thông báo cho các cổ đông góp vốn, chủ sở hữu, thành viên góp vốn, ngân hàng mẹ gửi tiền vào tài khoản do Ban trù bị mở tại một ngân hàng thương mại Việt Nam.

3. Hướng dẫn cổ đông góp vốn thực hiện việc góp vốn và thẩm định hồ sơ của cổ đông góp vốn.

4. Chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác nội dung hồ sơ đã nộp cho Ngân hàng Nhà nước.

5. Thông báo cho các cổ đông góp vốn, thành viên sáng lập, ngân hàng mẹ biết lý do không được cấp Giấy phép trong trường hợp không được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

6. Trình bày trước Hội đồng thẩm định về việc đáp ứng đủ các điều kiện để được cấp Giấy phép theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.

7. Bảo vệ các nội dung tại Đề án thành lập ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trước Hội đồng thẩm định.

**Điều 19.** **Trách nhiệm của Trưởng Ban trù bị**

1. Triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Thành viên sáng lập đầu tiên theo quy định của pháp luật.

2. Ký các văn bản thuộc thẩm quyền để đề nghị thành lập ngân hàng cho đến khi được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép.

**Điều 20.** **Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan đến hồ sơ cấp Giấy phép của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và văn phòng đại diện** **nước ngoài**

Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hồ sơ cấp Giấy phép của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và văn phòng đại diện nước ngoài phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, Ban trù bị theo quy định tại Thông tư này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin trên.

**Điều 21.** **Phối hợp cấp Giấy phép**

1. Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến của:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi dự kiến đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại, trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài về địa điểm đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại, trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

b) Bộ Công an về danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng thương mại, Tổng giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước, các cơ quan liên quan nêu trên có ý kiến bằng văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước.

3. Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép trên cơ sở ý kiến của các cơ quan liên quan.

**Điều 22.** **Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước**

1. Hội đồng thẩm định hồ sơ cấp Giấy phép thành lập ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (gọi tắt là Hội đồng thẩm định):

a) Hội đồng thẩm định do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định, gồm: Thống đốc hoặc một Phó Thống đốc (được Thống đốc ủy quyền) làm Chủ tịch, các thành viên là Thủ trưởng các đơn vị quy định tại khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10 Điều này;

b) Nhiệm vụ của Hội đồng thẩm định:

(i) Thẩm định các hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại, Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Trong quá trình thẩm định, Hội đồng thẩm định áp dụng hình thức phỏng vấn trực tiếp để thẩm định trình độ chuyên môn, tính hợp lý và khả thi của Đề án thành lập đối với từng nội dung của Đề án thành lập, hiểu biết về lĩnh vực ngân hàng của những người dự kiến được bầu vào các chức danh quản trị, điều hành của ngân hàng thương mại, Tổng giám đốc (Giám đốc) dự kiến của chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

(ii) Lựa chọn danh sách các hồ sơ đủ điều kiện trên cơ sở ý kiến của các thành viên để trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định cấp Giấy phép.

2. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng:

a) Làm đầu mối tiếp nhận và thẩm định hồ sơ cấp Giấy phép thành lập của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

(i) Đối với hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập ngân hàng thương mại, Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài trước khi chấp thuận nguyên tắc:

- Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thẩm định tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trù bị để xác nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ hoặc yêu cầu bổ sung hồ sơ.

- Thẩm định hồ sơ và có văn bản đề nghị thẩm định kèm hồ sơ gửi các thành viên Hội đồng thẩm định xem xét. Văn bản đề nghị thẩm định nêu rõ kết quả thẩm định và quan điểm đề xuất về việc cấp Giấy phép;

- Tổng hợp ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định và trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định triệu tập họp các thành viên Hội đồng thẩm định để xem xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

- Căn cứ Biên bản cuộc họp Hội đồng thẩm định, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trù bị về việc chấp thuận nguyên tắc hoặc không chấp thuận nguyên tắc (trong đó nêu rõ lý do).

Nội dung văn bản chấp thuận nguyên tắc bao gồm: chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng thương mại, thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài; chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; chấp thuận cơ cấu tổ chức, quản trị điều hành, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ của chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

(ii) Đối với các văn bản bổ sung sau khi được chấp thuận nguyên tắc:

- Trường hợp hết thời hạn nộp văn bản bổ sung theo quy định tại Thông tư này mà không nhận được hoặc nhận được các văn bản hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trù bị thông báo văn bản chấp thuận nguyên tắc không còn giá trị.

- Trường hợp nhận được các văn bản bổ sung hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng có trách nhiệm thẩm định và trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ký Quyết định cấp Giấy phép thành lập ngân hàng thương mại, Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài nếu đủ điều kiện và đảm bảo đủ hồ sơ theo quy định tại Thông tư này hoặc có văn bản không cấp Giấy phép (trong đó nêu rõ lý do).

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở chính để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

c) Chịu trách nhiệm về quản lý và lưu trữ hồ sơ cấp Giấy phép sau khi đã cấp Giấy phép.

d) Xử lý các vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư.

e) Thanh tra, giám sát việc thực hiện của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sau khi khai trương hoạt động theo Đề án thành lập ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3. Vụ Pháp chế:

a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản đề nghị, Vụ Pháp chế thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và có văn bản gửi Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng;

b) Là đầu mối xử lý các vấn đề pháp lý trong quá trình cấp Giấy phép.

4. Vụ Chính sách tiền tệ:

a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản đề nghị, Vụ Chính sách tiền tệ thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và có văn bản gửi Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng;

b) Đánh giá về tác động của việc thành lập mới ngân hàng liên quan đến chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước.

5. Vụ Hợp tác quốc tế:

a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản đề nghị, Vụ Hợp tác quốc tế thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và có văn bản gửi Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng;

b) Đánh giá những vấn đề phát sinh liên quan đến các cam kết Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới và các thỏa thuận song phương và đa phương khác.

6. Cục Công nghệ thông tin:

a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản đề nghị, Cục Công nghệ thông tin thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và có văn bản gửi Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng;

b) Đánh giá các vấn đề liên quan đến công nghệ thông tin của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

7. Vụ Tài chính - Kế toán:

a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản đề nghị, Vụ Tài chính - Kế toán thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và có văn bản gửi Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng;

b) Đánh giá các vấn đề liên quan đến năng lực tài chính của các cổ đông theo quy định tại Thông tư này và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành.

8. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh:

a) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản đề nghị, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị thành lập dự kiến đặt trụ sở chính thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và có văn bản gửi Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng;

b) Làm đầu mối làm việc với chính quyền địa phương nơi ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài dự kiến đặt trụ sở chính về việc thành lập ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên địa bàn (nếu có);

c) Làm đầu mối trực tiếp kiểm tra, chỉ đạo, giám sát ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện và đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước trước khi tiến hành khai trương hoạt động;

d) Đình chỉ ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khai trương hoạt động trong trường hợp ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không đáp ứng các điều kiện khai trương hoạt động;

đ) Báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về điều kiện và tình hình tiến hành khai trương hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

e) Tiếp nhận, thẩm định các hồ sơ quy định tại Điều 14 Thông tư này;

g) Có văn bản gửi lấy ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi dự kiến đặt trụ sở của văn phòng đại diện nước ngoài đối với việc đặt địa điểm trụ sở của văn phòng đại diện nước ngoài khi thực hiện cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này;

h) Chịu trách nhiệm về quản lý và lưu trữ hồ sơ cấp Giấy phép sau khi đã cấp Giấy phép;

k) Thông báo cho Bộ Công an (Cục An ninh kinh tế) về nhân sự là Trưởng văn phòng đại diện nước ngoài sau khi cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện nước ngoài;

l) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài đặt trụ sở để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

9. Sở Giao dịch:

a) Hướng dẫn ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài:

(i) Thực hiện việc nộp lệ phí cấp giấy phép;

(ii) Thủ tục mở tài khoản, chuyển vốn vào tài khoản phong tỏa, và giải tỏa vốn.

b) Gửi Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng bản sao giấy tờ xác nhận việc đã nhận đủ lệ phí cấp Giấy phép, giấy tờ xác nhận việc chuyển vốn vào tài khoản phong tỏa và việc giải tỏa vốn.

10. Vụ Quản lý ngoại hối:

a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản đề nghị, Vụ Quản lý ngoại hối thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và có văn bản gửi Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng;

b) Có ý kiến đánh giá về các vấn đề liên quan đến hoạt động ngoại hối của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

**Chương IV**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 23. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

**Điều 24. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 24; - UBND tỉnh/TP.........; - Bộ Công an; - Bộ Kế hoạch và đầu tư; - Lưu: VP, TTGSNH. | **THỐNG ĐỐC** |

**Phụ lục 01**

**VỀ MẪU GIẤY PHÉP**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2024/TT-NHNN ngày .. tháng ... năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài)*

Phụ lục 01a - Mẫu Giấy phép thành lập ngân hàng thương mại

Phụ lục 01b - Mẫu Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Phụ lục 01c - Mẫu Giấy phép thành lập văn phòng đại diện.

**Phụ lục 01a**

**MẪU GIẤY PHÉP THÀNH LẬP NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM --------** | | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** | |
| Số:     /GP-NHNN | *Hà Nội, ngày     tháng     năm.....* | |

**GIẤY PHÉP**

**THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG (loại hình....)**

**THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Căn cứ Thông tư số .../2024/TT-NHNN ngày .. tháng ... năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài;*

*Xét đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động (Ngân hàng thương mại, Ngân hàng liên doanh, Ngân hàng 100% vốn nước ngoài)................. và hồ sơ kèm theo;*

*Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thẩm định hồ sơ cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng..... ngày....;*

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép thành lập (Ngân hàng thương mại, Ngân hàng liên doanh, Ngân hàng 100% vốn nước ngoài)....... như sau:

1. Tên Ngân hàng:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:.................;

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:.................;

- Tên giao dịch (hoặc tên viết tắt):..........

2. Địa chỉ trụ sở chính:........................

**Điều 2.** Vốn điều lệ của Ngân hàng..... là....... (bằng chữ:...............)

**Điều 3.** Thời hạn hoạt động của Ngân hàng......... là.......... năm.

**Điều 4. Nội dung hoạt động**

Ngân hàng........... được thực hiện các hoạt động của loại hình ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các hoạt động sau đây:

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.

2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi.

3. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:

a) Cho vay;

b) Chiết khấu, tái chiết khấu;

c) Bảo lãnh ngân hàng;

d) Phát hành thẻ tín dụng;

đ) Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế đối với các ngân hàng được phép thực hiện thanh toán quốc tế;

e) Thư tín dụng;

g) Hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

4. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.

5. Cung ứng các phương tiện thanh toán.

6. Cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản sau đây:

a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;

b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế và các dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

7. Vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn.

8. Mua, bán giấy tờ có giá với Ngân hàng Nhà nước.

9. Cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

10. Vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.

11. Mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước.

12. Mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.

13. Mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

14. Tổ chức thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.

15. Tham gia hệ thống thanh toán quốc tế.

16. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

17. Kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm về ngoại hối trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định.

18. Kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm phái sinh về lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

19. Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng, giao đại lý thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

20. Đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

21. Các hoạt động kinh doanh khác

a) Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;

b) Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản;

c) Mua, bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và các giấy tờ có giá khác;

d) Dịch vụ môi giới tiền tệ;

đ) Kinh doanh vàng;

e) Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật);

g) Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép;

h) Phát hành trái phiếu;

i) Lưu ký chứng khoán;

k) Nghiệp vụ ngân hàng giám sát;

l) Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

22. Ví điện tử.

23. Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.

24. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.

25. Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán.

26. Các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

**Điều 5.** Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng.......... phải tuân thủ pháp luật Việt Nam.

**Điều 6.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 7.** Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng.......... được lập thành năm (05) bản chính: một (01) bản cấp cho Ngân hàng.........; một (01) bản để đăng ký kinh doanh; ba (03) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (một bản lưu tại Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, một bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh............., một bản lưu tại hồ sơ cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng...........).

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 7; - UBND tỉnh/TP.........; - Bộ Công an; - Bộ Kế hoạch và đầu tư; - Lưu: VP, TTGSNH. | **THỐNG ĐỐC** |

**Phụ lục 01b**

**MẪU GIẤY THÀNH LẬP CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI**

**(do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp)**

|  |  |
| --- | --- |
| **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM --------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:     /GP-NHNN | *Hà Nội, ngày     tháng     năm.....* |

**GIẤY PHÉP**

**THÀNH LẬP CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI**

**THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Căn cứ Thông tư số .../2024/TT-NHNN ngày .. tháng ... năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện tại Việt Nam nước ngoài;*

*Xét đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài của Ngân hàng............... và hồ sơ kèm theo;*

*Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thẩm định hồ sơ cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài của Ngân hàng........ ngày....;*

*Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép Ngân hàng.............., quốc tịch..........., có trụ sở chính tại............ được thành lập chi nhánh tại..........., Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam như sau:

1. Tên chi nhánh:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:...............;

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:................;

- Tên giao dịch (hoặc tên viết tắt):...............

2. Địa chỉ trụ sở:...........................

**Điều 2.** Vốn được cấp của Ngân hàng... - Chi nhánh.... là........ (bằng chữ:.......).

**Điều 3.** Thời hạn hoạt động của Ngân hàng… - Chi nhánh........ là...... năm.

**Điều 4. Nội dung hoạt động**

Ngân hàng..... - Chi nhánh.... được thực hiện các hoạt động của loại hình ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các hoạt động sau đây:

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.

2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi.

3. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:

a) Cho vay;

b) Chiết khấu, tái chiết khấu;

c) Bảo lãnh ngân hàng;

d) Phát hành thẻ tín dụng;

đ) Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế đối với các ngân hàng được phép thực hiện thanh toán quốc tế;

e) Thư tín dụng;

g) Hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

4. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.

5. Cung ứng các phương tiện thanh toán.

6. Cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản sau đây:

a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;

b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế và các dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

7. Vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn.

8. Mua, bán giấy tờ có giá với Ngân hàng Nhà nước.

9. Cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

10. Vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.

11. Mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước.

12. Mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.

13. Mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

14. Tổ chức thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.

15. Tham gia hệ thống thanh toán quốc tế.

16. Kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm về ngoại hối trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định.

17. Kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm phái sinh về lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

18. Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng, giao đại lý thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

19. Đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

20. Các hoạt động kinh doanh khác

a) Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;

b) Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản;

c) Mua, bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và các giấy tờ có giá khác;

d) Dịch vụ môi giới tiền tệ;

đ) Kinh doanh vàng;

e) Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật);

g) Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép;

h) Phát hành trái phiếu;

i) Lưu ký chứng khoán;

k) Nghiệp vụ ngân hàng giám sát;

l) Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

21. Ví điện tử.

22. Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.

23. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.

24. Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán.

25. Các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

**Điều 5.** Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng… - Chi nhánh........... phải tuân thủ pháp luật Việt Nam.

**Điều 6.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 7.** Giấy phép thành lập Ngân hàng... - Chi nhánh........ được lập thành năm (05) bản chính: một (01) bản cấp cho Ngân hàng... - Chi nhánh.......; một (01) bản để đăng ký kinh doanh; ba (03) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; (một bản lưu tại Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, một bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh/thành phố......., một bản lưu tại hồ sơ cấp Giấy phép thành lập Ngân hàng….... - Chi nhánh............

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 7; - UBND tỉnh/TP...........; - Bộ Công an; - Bộ Kế hoạch và đầu tư; - Lưu: VP, TTGSNH. | **THỐNG ĐỐC** |

**Phụ lục 01c**

**MẪU GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

**NƯỚC NGOÀI**

|  |  |
| --- | --- |
| NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM  **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**  **CHI NHÁNH --------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:……/GP-…… | *……, ngày     tháng     năm.....* |

**GIẤY PHÉP**

**THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN NƯỚC NGOÀI**

**GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH TỈNH/THÀNH PHỐ ….**

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số .../2024/TT-NHNN ngày .. tháng ... năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài;

Xét đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện nước ngoài của... (tên tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng) và hồ sơ kèm theo,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép... (tên tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng), quốc tịch..., có trụ sở chính tại (tên thành phố, quốc gia) được thành lập văn phòng đại diện nước ngoài tại (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương), Việt Nam như sau:

1. Tên văn phòng đại diện nước ngoài:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:

2. Địa bàn đặt trụ sở văn phòng đại diện nước ngoài:

**Điều 2.** Thời hạn hoạt động:

**Điều 3.** Nội dung hoạt động:

Các hoạt động... *(liệt kê các hoạt động đề nghị và được chấp thuận tương ứng theo quy định tại Điều 133 Luật Các tổ chức tín dụng);*

**Điều 4.** Trong quá trình hoạt động, Văn phòng đại diện nước ngoài... (tên tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng) - ... (tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) phải tuân thủ pháp luật Việt Nam.

**Điều 5.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 6.** Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện nước ngoài.. (tên tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng) - ... (tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) được lập thành năm (05) bản chính: một (01) bản cấp cho... (tên tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng); một (01) bản để đăng ký hoạt động; ba (03) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh/thành phố…

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 6;  - Thống đốc NHNN; - UBND tỉnh/TP...........; - Bộ Công an; - Bộ Kế hoạch và đầu tư; - Lưu: …. | **GIÁM ĐỐC** |

**Phụ lục 02a**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI***(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2024/TT-NHNN ngày .. tháng ... năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
---------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP   
THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG**

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Thông tư số .../2024/TT-NHNN ngày .. tháng ... năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài;

Căn cứ Biên bản cuộc họp cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập hoặc văn bản của chủ sở hữu là ngân hàng … (đối với ngân hàng 100% vốn nước ngoài là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên) ngày … tháng … năm … về việc thành lập Ngân hàng…;

Nay, các cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập của Ngân hàng … thay mặt các cổ đông (thành viên) góp vốn thành lập hoặc chủ sở hữu là ngân hàng… đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại với các nội dung sau đây:

1. Tên của Ngân hàng:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:

2. Tên tỉnh, thành phố nơi dự kiến đặt trụ sở chính:

3. Nội dung hoạt động:

4. Thời gian hoạt động:

5. Vốn điều lệ: …đồng (bằng chữ…), trong đó tỷ lệ góp vốn của các cổ đông (thành viên) sáng lập như sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên tổ chức, cá nhân | Số GP hoặc số đăng ký kinh doanh hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân, số định danh cá nhân, số hộ chiếu | Số điện thoại | Giá trị vốn góp | Tỷ lệ vốn góp |
| 1 | Công ty A |  |  |  |  |
| 2 | Nguyễn Văn B |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |

6. Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng thương mại (nêu rõ họ, tên và các chức danh đề nghị chấp thuận của từng thành viên).

Chúng tôi xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

- Thực hiện đăng ký kinh doanh, đăng ký ngày khai trương và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều lệ tổ chức và hoạt động ngân hàng.

*…, ngày… tháng… năm ...*

**Các cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, chủ sở hữu Ngân hàng…**(Cổ đông sáng lập là cá nhân ký và ghi đầy đủ họ và tên; Cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, chủ sở hữu là tổ chức do người đại diện theo pháp luật ký, đóng dấu và ghi đầy đủ họ tên)

**Phụ lục số 02b**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**THÀNH LẬP CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2024/TT-NHNN ngày .. tháng ... năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
---------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP   
THÀNH LẬP CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI**

**Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Thông tư số .../2024/TT-NHNN ngày .. tháng ... năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầucủa ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài;

Nay, Ngân hàng… đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp Giấy phép thành lập và hoạt động chi nhánh ngân hàng nước ngoài với các nội dung sau đây:

1. Tên của chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh

2. Tên tỉnh, thành phố nơi dự kiến đặt trụ sở chi nhánh:

3. Nội dung hoạt động:

4. Thời gian hoạt động:

5. Vốn được cấp:

6. Danh sách dự kiến bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài (nêu rõ họ, tên).

7. Cơ cấu tổ chức, quản trị điều hành dự kiến của chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Ngân hàng… xin cam kết:

- Về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

- Sau khi được cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, chúng tôi sẽ thực hiện việc đăng ký kinh doanh, đăng ký ngày khai trương và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước; nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*…, ngày… tháng … năm ...*

**Người đại diện theo pháp luật của ngân hàng nước ngoài   
ký, đóng dấu và ghi đầy đủ họ tên**

**Phụ lục số 02c**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP**

**VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN NƯỚC NGOÀI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2024/TT-NHNN ngày .. tháng ... năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
---------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP   
THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN NƯỚC NGOÀI**

**Kính gửi: Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh/thành phố…**

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Thông tư số .../2024/TT-NHNN ngày .. tháng ... năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầucủa ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài;

Nay, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng (tên) đề nghị Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh/thành phố… xem xét cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện nước ngoài của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng (tên) với nội dung sau đây:

1. Tên của văn phòng đại diện nước ngoài:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh

2. Địa điểm đặt trụ sở dự kiến của văn phòng đại diện nước ngoài:

3. Nội dung hoạt động:

4. Thời gian hoạt động:

5. Danh sách dự kiến bổ nhiệm trưởng văn phòng đại diện nước ngoài của văn phòng đại diện nước ngoài (nêu rõ họ, tên).

Tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng (tên)... xin cam kết:

- Về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

- Sau khi được cấp Giấy phép, chúng tôi sẽ thực hiện việc đăng ký kinh doanh, đăng ký ngày khai trương và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước; nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*..., ngày... tháng... năm...*

**Người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức   
nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng**

*(ký, đóng dấu và ghi đầy đủ họ tên)*

**Phụ lục 03**

**MẪU SƠ YẾU LÝ LỊCH TỰ KHAI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2024/TT-NHNN ngày .. tháng ... năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
---------------**

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**

Ảnh hộ chiếu

(4x6)

1. Thông tin cá nhân

- Họ và tên:

- Ngày, tháng, năm sinh:

- Nơi sinh:

- Số chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân, số định danh cá nhân; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú) (đối với người có quốc tịch Việt Nam):

- Số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; quốc tịch (quốc tịch gốc, các quốc tịch hiện nay); nơi ở hiện tại (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):

- Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện (trường hợp là người đại diện của pháp nhân):

2. Trình độ học vấn

Tên trường; tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính; tên khóa học; thời gian học; tên bằng (liệt kê những bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm)

3. Quá trình công tác:

- Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (từ năm 18 tuổi đến nay), làm gì, ở đâu, tóm tắt đặc điểm chính.

- Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại ngân hàng và các tổ chức khác.

- Đơn vị công tác; chức vụ; các trách nhiệm chính (liệt kê các đơn vị công tác và chức danh nắm giữ tại các đơn vị này đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian).

- Khen thưởng, kỷ luật (nếu có).

4. Phần vốn góp, cổ phần dự kiến sở hữu (trường hợp cổ đông là cá nhân) hoặc dự kiến được ủy quyền, ủy thác đứng tên (trường hợp là người đại diện của pháp nhân).

5. Mối quan hệ (nếu là cổ đông sáng lập, người dự kiến được bầu, bổ nhiệm làm người quản lý, điều hành và một số chức danh khác của ngân hàng thương mại):

Kê khai mối quan hệ với người có liên quan.

6. Tôi,…………………. xin cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

|  |  |
| --- | --- |
| **Xác nhận của cấp có thẩm quyền của đơn vị công tác hoặc chính quyền nơi cư trú** | *…, ngày … tháng … năm….* **Người khai** (Ký và ghi rõ họ và tên) |

**Phụ lục 04**

**MẪU DANH SÁCH CÁC CỔ ĐÔNG GÓP VỐN THÀNH LẬP NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2024/TT-NHNN ngày .. tháng ... năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài)*

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG GÓP VỐN THÀNH LẬP NGÂN HÀNG…**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thông tin về tổ chức, cá nhân | Số điện thoại | Giá trị vốn góp | Số cổ phần | Loại cổ phần | Tỷ lệ vốn góp |
| **I. Cổ đông sáng lập:** | | | | | | |
| Tổ chức | | | | | | |
| 1 | Công ty A |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| Cá nhân | | | | | | |
| 3 | Nguyễn Văn A |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |  |
| **II. Cổ đông góp vốn khác** | | | | | | |
| Tổ chức | | | | | | |
| 5 | Công ty B |  |  |  |  |  |
| 6 |  |  |  |  |  |  |
| Cá nhân | | | | | | |
| 7 | Nguyễn Văn B |  |  |  |  |  |
| 8 |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Trưởng Ban trù bị** (Ký và ghi rõ họ tên) |

**HƯỚNG DẪN KÊ KHAI**

1. Thông tin về tổ chức bao gồm:

a) Thông tin về tổ chức:

- Tên tổ chức:

- Địa điểm đặt trụ sở chính:

- Số Giấy phép thành lập hoặc đăng ký kinh doanh hoặc văn bản tương đương, cơ quan cấp, ngày cấp:

b) Thông tin về người đại diện vốn góp:

- Họ và tên:

- Ngày tháng năm sinh:

- Số chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân, số định danh cá nhân; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú) (đối với người có quốc tịch Việt Nam):

- Số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; quốc tịch (quốc tịch gốc, các quốc tịch hiện nay); nơi ở hiện tại (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):

2. Thông tin về cá nhân bao gồm:

- Họ và tên:

- Ngày tháng năm sinh:

- Số chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân, số định danh cá nhân; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú) (đối với người có quốc tịch Việt Nam):

- Số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; quốc tịch (quốc tịch gốc, các quốc tịch hiện nay); nơi ở hiện tại (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):

**Phụ lục 05a**

**MẪU ĐƠN MUA CỔ PHẦN ĐỐI VỚI CÁ NHÂN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2024/TT-NHNN ngày .. tháng ... năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
---------------**

*…, ngày … tháng … năm .......*

**ĐƠN MUA CỔ PHẦN**

Kính gửi: Ban trù bị thành lập Ngân hàng…

1. Cá nhân đề nghị mua cổ phần:

- Họ và tên (tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa):

- Ngày tháng năm sinh:

- Số chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân, số định danh cá nhân; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú) (đối với người có quốc tịch Việt Nam):

- Số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; quốc tịch (quốc tịch gốc, các quốc tịch hiện nay); nơi ở hiện tại (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):

- Nơi công tác và chức vụ hiện tại:

- Số điện thoại:

2. Nội dung đăng ký mua cổ phần:

- Số lượng cổ phần đăng ký mua, loại cổ phần, giá trị, tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ:

- Thời gian nộp tiền:

3. Tình hình góp vốn, mua cổ phần tại các tổ chức khác:

- Tên tổ chức tín dụng, doanh nghiệp mà cá nhân đang có vốn góp:

- Số vốn đã góp và tỷ lệ so với tổng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp đó:

4. Cam kết:

Sau khi nghiên cứu Điều lệ ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan, tôi xin cam kết:

a) Mua đủ số cổ phần và góp đúng thời hạn đã đăng ký;

b) Không sử dụng vốn huy động, vốn vay của các tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp thành lập ngân hàng;

c) Tuân thủ các quy định tại Điều lệ ngân hàng, các quy định nội bộ của ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những hồ sơ gửi kèm (nếu có).

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người mua cổ phần** (Ký và ghi rõ họ tên) |

**Phụ lục 05b**

**MẪU ĐƠN MUA CỔ PHẦN ĐỐI VỚI TỔ CHỨC** *(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2024/TT-NHNN ngày .. tháng ... năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
---------------**

*…, ngày … tháng … năm ....*

**ĐƠN MUA CỔ PHẦN**

Kính gửi: Ban trù bị thành lập Ngân hàng…

1. Tổ chức đề nghị mua cổ phần:

- Tên tổ chức (tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa):

- Số Quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh, cơ quan cấp, ngày cấp:

- Vốn điều lệ:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Số điện thoại: Số Fax:

2. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên:

- Ngày tháng năm sinh:

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức:

- Số chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân, số định danh cá nhân; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú) (đối với người có quốc tịch Việt Nam):

- Số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; quốc tịch (quốc tịch gốc, các quốc tịch hiện nay); nơi ở hiện tại (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):

3. Người được cử làm đại diện ủy quyền của tổ chức tại ngân hàng thương mại cổ phần:

- Họ và tên:

- Ngày tháng năm sinh:

- Nơi công tác và chức vụ hiện tại:

- Mối liên hệ với tổ chức (trong trường hợp không làm việc cho tổ chức đó):

- Số chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân, số định danh cá nhân; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú) (đối với người có quốc tịch Việt Nam):

- Số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; quốc tịch (quốc tịch gốc, các quốc tịch hiện nay); nơi ở hiện tại (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):

4. Nội dung đăng ký mua cổ phần:

- Số lượng cổ phần đăng ký mua, loại cổ phần, giá trị, tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ:

- Thời gian nộp tiền:

5. Tình hình góp vốn, mua cổ phần tại các tổ chức khác:

- Tên tổ chức tín dụng, doanh nghiệp mà tổ chức đang có vốn góp:

- Số vốn đã góp và tỷ lệ so với tổng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp đó:

6. Cam kết:

Sau khi nghiên cứu Điều lệ ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan, chúng tôi xin cam kết:

a) Mua đủ số cổ phần và góp đúng thời hạn đã đăng ký;

b) Không sử dụng vốn huy động, vốn vay của các tổ chức, cá nhân khác để góp vốn; Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp thành lập ngân hàng;

c) Tuân thủ các quy định tại Điều lệ ngân hàng, các quy định nội bộ của ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những hồ sơ gửi kèm (nếu có).

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người đại diện theo pháp luật của tổ chức** (Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu) |

**Phụ lục số 06**

**BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN VÀ TÌNH HÌNH THAM GIA GÓP VỐN THÀNH LẬP NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2024/TT-NHNN ngày .. tháng ... năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
---------------**

**BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**

**Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Người khai (tổ chức, cá nhân góp vốn thành lập ngân hàng) và “người có liên quan”** | **Mối quan hệ với người khai** | **Đã tham gia thành lập ngân hàng** | | **Tỷ lệ vốn góp/Vốn ĐL khi thành lập của ngân hàng TMCP…** |
| Tên ngân hàng | Tỷ lệ sở hữu/vốn ĐL của ngân hàng (%) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 1. | Nguyễn Văn A | Người khai |  |  |  |
| 2. | Nguyễn Thị B | Vợ |  |  |  |
| 3. | Công ty X | Là công ty do ông A là CTHĐQT, giám đốc… |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |
| Tổng cộng |  |  |  | % (chi tiết từng ngân hàng) | % |

Tôi cam kết nội dung Bảng kê khai trên đây là đúng sự thật, nếu có bất cứ sự không trung thực nào, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người khai (7) (ký ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)** |

**HƯỚNG DẪN KÊ KHAI THEO MẪU**

1. Đối với phần kê khai tại (2): kê khai toàn bộ mối quan hệ “người có liên quan”.

2. Đối với phần kê khai tại (3): Ghi rõ mối quan hệ với người khai.

3. Đối với phần kê khai tại (4): Ghi rõ tên các ngân hàng đã tham gia góp vốn.

4. Đối với phần kê khai tại (7): Nếu là pháp nhân, người ký tên người khai là đại diện cho pháp nhân.

**Phụ lục 07**

**MẪU BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP CỦA CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP LÀ CÁ NHÂN CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN** *(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2024/TT-NHNN ngày .. tháng ... năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
---------------**

**BẢNG KÊ KHAI TÀI SẢN**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- Họ và tên Người kê khai tài sản: ……………………

- Ngày tháng năm sinh: ………………………………………….

- Số chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú):

- Cơ quan/đơn vị công tác hoặc nơi làm việc: ……………………..

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***T*** | ***Loại tài sản*** | ***Thông tin mô tả về tài sản*** |
|  | Nhà, công trình xây dựng | - Số lượng: ………..cái  1.1. Nhà thứ nhất:  + Loại nhà:………..  + Diện tích đất:…………m2  + Diện tích đất xây dựng: ……m2  + Diện tích sử dụng: …………m2  + Địa chỉ:……………………………………  (Đính kèm bản sao có chứng thực giấy chủ quyền theo quy định của pháp luật)  + Trị giá ngôi nhà và đất theo giá thị trường:………………..  1.2. Nhà thứ hai:  + Loại nhà:………..  + Diện tích đất: ………m2  + Diện tích đất xây dựng: ……m2  + Diện tích sử dụng: …………m2  + Địa chỉ:……………………………………  (Đính kèm bản sao có chứng thực giấy chủ quyền theo quy định của pháp luật)  + Trị giá ngôi nhà và đất theo giá thị trường:………………..  1.3. Nhà thứ …: |
|  | Quyền sử dụng đất | - Số lượng: ……thửa  2.1. Thửa thứ nhất:  + Loại đất:………..  + Diện tích:………..m2  + Địa chỉ:………………  (Đính kèm bản sao có chứng thực giấy chứng nhận QSD đất theo quy định của pháp luật)  + Trị giá thửa đất theo giá thị trường: ……..  2.2. Thửa thứ hai:  + Loại đất:………..  + Diện tích:………..m2  + Địa chỉ:………………  (Đính kèm bản sao có chứng thực giấy chứng nhận QSD đất theo quy định của pháp luật)  + Trị giá thửa đất theo giá thị trường: ……..  2.3. Thửa thứ: …..; |
|  | Tài sản ở nước ngoài | - Động sản:  (Đính kèm bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan)  + Tên: ………………………………  + Số lượng: ……………  + Trị giá theo giá thị trường: ………….  - Bất động sản: …………………………  (Đính kèm bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan)  + Tên: …………………..  + Địa chỉ: ……………….  + Trị giá theo giá thị trường: ………………. |
|  | Tài khoản ở nước ngoài | (Đính kèm bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan)  - Ngân hàng mở tài khoản:……….  - Số dư tài khoản vào thời điểm kê khai:……. |
|  | Mô tô, ô tô, tàu, thuyền có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên | (Đính kèm bản sao có chứng thực giấy đăng ký của cơ quan chức năng)  - Chủng loại, nhãn hiệu: …………  - Số lượng: ………………..  - Tổng giá trị theo giá thị trường: ……………… |
|  | Kim khí quý, đá quý có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên | (Đính kèm bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan nếu có)  - Tổng giá trị ước tính: …………… |
| Tiền, sổ tiết kiệm, cổ phiếu, trái phiếu, các công cụ chuyển nhượng khác có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên | Tiền mặt:  Tổng giá trị:……………….. |
| Tiền gửi tại ngân hàng, tổ chức tín dụng (tài khoản, sổ tiết kiệm, sổ tín dụng…):  (Đính kèm bản sao có chứng thực của ngân hàng)  Tổng giá trị:………  Cổ phiếu:  (Đính kèm bản sao có chứng thực của công ty phát hành hoặc công ty chứng khoán)  Tổng giá trị theo mệnh giá…………  Tổng giá trị theo giá thị trường (Sàn giao dịch, OTC): ………. |
| Trái phiếu:  (Đính kèm bản sao có chứng thực của cơ quan phát hành hoặc công ty chứng khoán)  Tổng giá trị theo mệnh giá…………  Tổng giá trị theo giá thị trường (Sàn giao dịch, OTC):………… |
| Các công cụ chuyển nhượng khác:  Tổng giá trị theo mệnh giá…………  Tổng giá trị theo giá thị trường:…………. |
|  | Tài sản khác có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên | (Đính kèm bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan)  - Tên:…  - Số lượng: …  - Tổng giá trị ước tính: …………. |

Tôi cam kết Bản tự kê khai tài sản trên đây là trung thực, đầy đủ. Nếu khai man, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *….., ngày … tháng … năm …* **Người kê khai tài sản, thu nhập** (Ký, ghi rõ họ tên) |

**HƯỚNG DẪN KÊ KHAI THEO MẪU**

1. Đối với phần kê khai về nhà, công trình xây dựng khác:

- Không phải kê khai nhà công vụ

- Nhà, công trình xây dựng phải kê khai gồm: nhà ở, nhà xưởng, nhà hàng, câu lạc bộ, các công trình xây dựng khác….

- Nhà, công trình xây dựng tiếp theo (nếu có) thì kê khai như nhà, công trình xây dựng thứ nhất, thứ hai.

2. Đối với phần kê khai 5, 6, 7, 8:

Chỉ kê khai nếu tổng giá trị của mỗi loại tài sản từ 100 triệu đồng trở lên. Ví dụ: có 3 xe máy, nếu tổng giá trị của 3 xe máy từ 100 triệu đồng trở lên thì phải kê khai, nếu tổng giá trị của 3 xe máy dưới 100 triệu đồng thì không phải kê khai.

3. Đối với tài sản chung theo phần:

Kê khai rõ được phần thuộc sở hữu của người kê khai, giá trị ước tính của phần tài sản đó.

**Phụ lục số 08**

**BẢNG XÁC ĐỊNH KHẢ NĂNG VỀ TÀI CHÍNH ĐỂ GÓP VỐN THÀNH LẬP NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI ĐỐI VỚI TỔ CHỨC KHÔNG PHẢI LÀ TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2024/TT-NHNN ngày .. tháng ... năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
---------------**

**BẢNG XÁC ĐỊNH KHẢ NĂNG TÀI CHÍNH**

**Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

Cách xác định khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng

**A- Công thức tính khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại đối với cổ đông là tổ chức không phải là tổ chức tín dụng:**

1.1. Công thức tổng quát:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại* | *= Vốn chủ sở hữu* | *-* | *Đầu tư dài hạn được tài trợ bởi vốn chủ sở hữu* |

1.2. Công thức cụ thể:

*A = E – LI*  (1) và

*LI = LA – LD* (2)

Trong đó:

+ A: Khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại của tổ chức

+ E: Vốn chủ sở hữu

+ LI: Đầu tư dài hạn được tài trợ bởi vốn chủ sở hữu

+ LD: Phần Nợ dài hạn dùng để đầu tư Tài sản dài hạn

+ LA: Tài sản dài hạn

\* Nếu A >= Số vốn phải góp vào ngân hàng thương mại theo cam kết của tổ chức thì tổ chức có khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại.

\* Nếu A < Số vốn phải góp vào ngân hàng thương mại theo cam kết của tổ chức thì tổ chức không có đủ khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại.

**B- Ví dụ minh họa:**

Theo Đề án, Công ty X sẽ góp 100 tỷ VND để thành lập ngân hàng thương mại Y. Phân tích nguồn vốn để Công ty X góp thành lập ngân hàng thương mại Y dựa trên bảng cân đối kế toán vào ngày 31/7/2007 như sau:

Đơn vị: tỷ VND

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tài sản** |  | **TT** | **Nguồn vốn** |  |
| . | Tài sản ngắn hạn | 1.092,42 | . | Nợ phải trả | 664,88 |
| . | Tiền và các khoản tương đương tiền | 771,90 | . | Nợ ngắn hạn | 517,18 |
| . | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 0 | . | Nợ dài hạn | 147,70 |
| . | Các khoản phải thu ngắn hạn | 377,87 |  |  |  |
| . | Hàng tồn kho | 0,08 |  |  |  |
| . | Tài sản ngắn hạn khác | 2,57 |  |  |  |
| I. | Tài sản dài hạn | 1.530,90 | I. | Vốn chủ sở hữu | 1.958,44 |
| . | Các khoản phải thu dài hạn | 0 | . | Vốn chủ sở hữu | 1.900 |
| . | Tài sản cố định | 26,02 | . | Nguồn kinh phí và quỹ khác | 58,44 |
| . | Bất động sản đầu tư | 0 |  |  |  |
| . | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 1.504,78 |  |  |  |
| . | Tài sản dài hạn khác | 0,10 |  |  |  |
|  | Cộng | 2.623,32 |  | Cộng | 2.623,32 |

Vận dụng công thức (1) và (2) để xác định khả năng về tài chính của Công ty X để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại Y, ta có:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đầu tư dài hạn được tài trợ bởi Vốn chủ sở hữu (LI)** | | **Vốn chủ sở hữu (E)** | |
| Tài sản dài hạn (LA) | 1.530,90 tỷ VND | Vốn chủ sở hữu | 1.900 tỷ VND |
| Phần Nợ dài hạn dùng để đầu tư Tài sản dài hạn (LD)\* | 147,70 tỷ VND |  |  |
| LI = LA-LD | 1.383,2 tỷ VND | E | 1.900 tỷ VND |
| A = E-LI |  |  | 516,8 tỷ VND |

So sánh A (516,8 tỷ VND) với Số vốn phải góp vào ngân hàng thương mại Y theo cam kết của Công ty X (100 tỷ VND) có thể thấy Công ty X có khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại Y (516,8 tỷ VND > 100 tỷ VND).

*Chú ý:*

\* Nếu trong Thuyết minh báo cáo tài chính của tổ chức chưa thuyết minh rõ về khoản mục Phần Nợ dài hạn dùng để đầu tư Tài sản dài hạn (tài sản cố định, đầu tư tài chính dài hạn,…) thì cần yêu cầu tổ chức có văn bản thuyết minh rõ về khoản mục này.